

MỤC LỤC		Trang
ĐƯỜNG LỐI- CHÍNH SÁCH		3
Thông tư về quản lý thuốc bảo vệ thực vật (tiếp theo)		3
MÔ HÌNH HAY-CÁCH LÀM TỐT		11
Ruồi đục trái chôm chôm-Lưu ý biện pháp phòng trừ an toàn cho trái		11
Dưa hấu Thái Lan 50 tấn/ha		14
Bệnh lạ trên thanh long và giải pháp		15
Phòng trừ cỏ dại trên ruộng lúa		19
Tưới phun mưa cho rau		22
Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả		24
Bền vững với nuôi xen, trồng xen		27
Một kinh nghiệm thoát nghèo bền vững		30
Những điều lưu ý khi nuôi cá tai tượng an toàn sinh học		33
Mô hình nuôi sò huyết trong ao đất tại xã Dân Thành (Trà Vinh)		35
Chiếc máy xới “3 trong 1” của ông tư Xự		38
Một nông dân chế tạo thành công máy ấp trứng gà		42

THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG KH&CN

	45
Thành lập Khu ứng dụng Công nghệ Sinh học ở Cái Mơn	45
Tập huấn “Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 và mô hình khung trong hành chánh sự nghiệp”	48
Tiềm năng và hướng sử dụng chế phẩm sinh học phát triển nền nông nghiệp hữu cơ	50
Phát triển VietGAP vùng ĐBSCL	55
Cần trọng khi dùng dưa quả tươi	57

ĐƯỜNG LỐI-CHÍNH SÁCH

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2013

THÔNG TƯ
Về quản lý thuốc bảo vệ thực vật
(tiếp theo)

Chương VI
VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN THUỐC, NGUYÊN LIỆU
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 31. Nguyên tắc chung

1. Việc vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải tuân theo những quy định của Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật có liên quan.

Các loại thuốc bảo vệ thực vật được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 9/1/2009 của Chính phủ phải được cấp phép vận chuyển.

2. Việc vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải theo đúng lịch trình ghi trong hợp đồng hoặc giấy tờ khác có liên quan về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật giữa chủ phương tiện và chủ sở hữu hàng hóa.

3. Việc vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực

vật phải đảm bảo an toàn cho người, môi trường. Không được dùng xe nơi đông người, gần trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt.

4. Các loại thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật chỉ được vận chuyển khi đã được đóng gói, dán nhãn và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 33 của Thông tư này.

5. Các thuốc bảo vệ thực vật có khả năng phản ứng với nhau không được chở chung trên cùng một phương tiện.

6. Không được vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trên cùng phương tiện chở khách, vật nuôi, lương thực, thực phẩm, các chất dễ gây cháy, nổ và các hàng hóa khác, trừ phân bón.

Điều 32. Vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

1. Người vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

a) Người điều khiển phương tiện, người áp tải hàng phải hiểu rõ tính chất nguy hiểm của thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật như: độc hại, dễ cháy, dễ nổ, ăn mòn và phải biết xử lý sơ bộ khi sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật và thực hiện theo các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm.

b) Người điều khiển phương tiện vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật ngoài các chứng chỉ về điều khiển phương tiện tham gia giao thông theo quy định hiện hành của Nhà nước còn phải có Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.

c) Người áp tải hàng hóa là thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện về an toàn lao động trong vận

chuyên, bảo quản thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.

2. Bao bì, thùng chứa hoặc container chứa thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình vận chuyển

a) Phải được làm bằng các vật liệu dai, bền, ít thấm nước;

b) Phải dán biểu trưng nguy hiểm với hình đầu lâu, xương chéo màu đen trên nền trắng trong hình vuông đặt lệch. Kích thước của biểu trưng hàng nguy hiểm dán trên mỗi thùng đựng thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật là 100 mi-li-mét (mm) x 100 mi-li-mét (mm) và dán trên container là 250 mi-li-mét (mm) x 250 mi-li-mét (mm) theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phải có báo hiệu nguy hiểm hình chữ nhật, màu vàng cam, ở giữa ghi Mã số Liên hợp quốc (UN), kích thước báo hiệu nguy hiểm là 300 mi-li-mét (mm) x 500 mi-li-mét (mm) theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, vị trí ở phía dưới biểu trưng nguy hiểm. Đối với bao bì và thùng chứa thuốc thì báo hiệu nguy hiểm có kích thước nhỏ hơn phù hợp với tỷ lệ với bao bì và thùng chứa nhưng phải đảo bảo nhìn rõ báo hiệu nguy hiểm.

3. Phương tiện vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

a) Các phương tiện vận tải thông thường được các cơ quan có thẩm quyền cho phép lưu hành để vận chuyển hàng hóa thì được chuyên chở thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.

b) Phương tiện chuyên chở thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật sau:

Có dụng cụ, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy phù hợp với thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật khi vận chuyển;

Có mui, bạt che phủ kín, chắc chắn toàn bộ khoang chở hàng đảm bảo không thấm nước trong quá trình vận chuyển;

Không dùng xe rơ móc để chuyên chở thuốc bảo vệ thực vật.

c) Phương tiện chuyên chở thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật được xếp cuối cùng của mỗi chuyên phà, nếu bên phà không có phà chuyên dùng cho loại hàng nguy hiểm.

d) Phương tiện chuyên chở các thùng chứa thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải được dán biểu trưng nguy hiểm của loại nhóm hàng đang vận chuyển. Kích thước của biểu trưng nguy hiểm dán trên phương tiện là 500 mi-li-mét (mm) x 500 mi-li-mét (mm). Vị trí dán biểu trưng nguy hiểm ở hai bên và phía sau phương tiện.

4. Xử lý sự cố

Khi gặp sự cố do đổ vỡ, tai nạn giao thông trong quá trình vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, người lái xe, người áp tải hoặc chủ sở hữu hàng hóa phải xử lý sự cố và đồng thời thông báo ngay cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền gần nhất để có biện pháp ngăn chặn, khắc phục kịp thời hậu quả do thuốc bị rò rỉ gây ra. Người vi phạm phải chịu mọi chi phí khắc phục.

Điều 33. Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.

1. Tổ chức, cá nhân vận chuyển khối lượng thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật từ 1000kg/xe trở lên phải có giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh cấp.

2. Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật có giá trị lưu hành trên toàn quốc.

3. Thời hạn của Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật cấp theo từng chuyến hoặc từng thời kỳ nhưng không quá 12 tháng, kể từ ngày cấp.

4. Mẫu Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 34. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 của Điều 33 của Thông tư này.

2. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chụp Giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật của người điều khiển phương tiện hoặc người áp tải hàng (khi nộp mang theo bản chính để đối chiếu);

c) Một trong các giấy tờ sau (bản sao chứng thực):

Hợp đồng cung ứng;

Hợp đồng vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;

Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc bảo vệ thực vật;

Bản kê khai vận chuyển hàng hóa của công ty (có xác nhận và dấu của công ty)

d) Lịch trình vận chuyển hàng hóa, địa chỉ và điện thoại của chủ hàng (có xác nhận và dấu của công ty).

3. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy phép vận chuyển thuốc,

nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ thì cấp Giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 01 (một) ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo đúng quy định.

Trường hợp không cấp Giấy phép vận chuyển thuốc nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, trong vòng 01 (một) ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 35. Nội dung huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

Người điều khiển phương tiện vận chuyển, người áp tải hàng, người thủ kho được đào tạo, tập huấn các nội dung sau:

1. Các nội dung huấn luyện về an toàn lao động được quy định tại Thông tư số 37/2005/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động;

2. Các văn bản liên quan đến vận chuyển, bảo quản hóa chất nguy hiểm;

3. Các đặc tính của thuốc bảo vệ thực vật;

4. Các dấu hiệu, biểu trưng và ký hiệu nguy hiểm của hàng hóa;

5. Các biện pháp bảo đảm an toàn khi vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật (cấp cứu, an toàn trên đường, các kiến thức cơ bản về sử dụng các dụng cụ bảo vệ);

6. Các biện pháp phòng ngừa và xử lý sự cố đối với mỗi loại thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 36. Trách nhiệm về tổ chức huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện

1. Cục Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm xây dựng nội dung, chương trình tập huấn đối với người thủ kho, người áp tải hàng và người điều khiển phương tiện vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.

2. Chi cục Bảo vệ thực vật cấp tỉnh phối hợp với các cơ sở đào tạo, dạy nghề, các Doanh nghiệp tổ chức tập huấn theo đúng nội dung chương trình quy định tại Điều 35 của Thông tư này và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo người điều khiển phương tiện, người áp tải hàng, người thủ kho thuốc bảo vệ thực vật được huấn luyện theo các nội dung quy định tại Điều 35 của Thông tư này.

Điều 37. Kho thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

1. Địa điểm kho thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật nằm ngoài khu công nghiệp phải được sự đồng ý của chính quyền cấp xã.

2. Kho phải được xây dựng vững chắc, bằng vật liệu khó cháy, không bị úng ngập, đảm bảo thông thoáng, thuận tiện cho các phương tiện chữa cháy hoạt động; đảm bảo các yêu cầu của TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm – quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

3. Kho phải có các dụng cụ chữa cháy, phòng độc, cấp cứu và có biển biểu trưng nguy hiểm in hình دائ lâu, xương chéo màu đen trên nền trắng trong hình vuông đặt lệch có kích thước như biểu trưng hàng nguy hiểm của phương tiện hoặc container quy

định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Kho thuốc phải đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 38. Bảo quản thuốc bảo vệ thực vật

1. Việc bảo quản thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường ở khu vực xung quanh.

2. Người thủ kho phải được huấn luyện về an toàn lao động trong bảo quản thuốc bảo vệ thực vật.

3. Trong trường hợp thuốc bị rò rỉ, khuếch tán gây tác hại đến môi trường, chủ sở hữu thuốc phải chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả dưới sự hướng dẫn hoặc kiểm tra của cơ quan bảo vệ thực vật, cơ quan quản lý môi trường, chính quyền cấp xã và chịu mọi chi phí cho việc khắc phục hậu quả đó.

(còn tiếp)

Ruồi đục trái chôm chôm-Lưu ý biện pháp phòng trừ an toàn cho trái

Hiện nay, một số vườn chôm chôm đang bị ruồi đục trái gây hại khá nghiêm trọng, làm thất thu năng suất không nhỏ. Ruồi đục trái là một trong những đối tượng gây hại nguy hiểm hàng đầu ở tất cả các vùng trồng cây ăn quả ở nước ta. Đây là một loài đa ký chủ, nếu không có biện pháp ngăn chặn kịp thời, chúng sẽ phát tán lây lan trên diện rộng và không riêng chôm chôm mà nhiều loại trái cây khác sẽ bị thiệt hại nặng suất trầm trọng. Tuy nhiên, cần chọn biện pháp phòng trừ hiệu quả nhưng không để lại dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong trái, ảnh hưởng sức khỏe người tiêu dùng.

Ruồi đục trái có tên khoa học *Bactrocera dorsalis* thuộc

họ Trypetidae, bộ Diptera. Ruồi trưởng thành giống ruồi nhà nhưng nhỏ hơn, thân dài khoảng 6-7mm, sải cánh rộng 8-9mm. Ngực có ba vệt vàng xếp thành hình chữ U, bụng có hai vệt đen hình chữ T. Cánh trong suốt, mép cánh có sọc đen. Con cái cuối bụng có ống đẻ trứng dài và nhọn. Trứng hình hạt gạo, dài khoảng 1mm. Ấu trùng dạng dòi, không chân, đẩy sức dài khoảng 6-8mm, màu vàng nhạt, miệng có móc cứng. Nhộng dài 6-7mm, hình trứng, màu đỏ nâu. Ấu trùng đẩy sức bùn mình xuống đất hóa nhộng. Vòng đời trung bình 20-30 ngày, trong đó thời gian trứng 2-3 ngày, ấu trùng 10-15 ngày, ruồi trưởng thành đẻ trứng 1-2 ngày sau khi vũ hoá và có thể sống trên 30

ngày.

Ruồi đục trái chôm chôm, bên trong trái có đôi phá hoại.

Ruồi trưởng thành hoạt động ban ngày, có khả năng bay xa. Ruồi cái dùng ống đẻ trứng chọc sâu vào vỏ trái chôm chôm để một chùm từ 5-10 trứng. Vết chích rất nhỏ, nhưng có thể nhận ra nhờ những vết thâm trên vỏ trái, khi ấn nhẹ vào dịch nước sẽ rỉ ra (3 ngày sau khi ruồi đẻ trứng). Dòi nở ra ăn thịt trái, tuổi càng lớn dòi càng đục sâu vào phía trong làm trái bị thối và rụng. Bị hại nặng, trái rụng hàng loạt. Trong một trái có thể có nhiều con dòi. Trái chôm chôm bị dòi gây hại thường bị bệnh thối trái tấn công mạnh do vết chích của ruồi tạo vết thương cho nấm, vi khuẩn xâm nhập. Ruồi đục trái phá

hại từ khi trái chôm chôm chuyển màu đến chín. Trái để chín lâu trên cây càng bị hại nhiều hơn. Ruồi phát sinh gây hại quanh năm khi có trái chín.

* Biện pháp phòng trị:

- Thu hoạch kịp thời không để trái chín quá lâu trên cây;

- Thường xuyên thu gom những trái bị rụng đem tiêu hủy (chôn sâu dưới đất có rải vôi bột để tiêu diệt trứng và dòi non) nhằm tránh lây lan, đây là biện pháp rất quan trọng để hạn chế sự phát triển và lây lan của ruồi.

- Khi ruồi trưởng thành



phát sinh dùng thuốc dẫn dụ có chất Methyl Eugennol (Vizubon-D) để dẫn dụ và diệt ruồi đực hoặc sử dụng chế phẩm Sofri-Protein 10DD, phun mỗi cây khoảng 20-50ml bả mồi (tùy theo cây lớn hay cây nhỏ), chỉ phun thành đốm nhỏ (khoảng bằng nón lá) dưới tán cây, không nên phun trực tiếp trên trái. Phun 2-3 lần, mỗi lần cách nhau khoảng 7 ngày. Thời gian phun tốt nhất là từ 8-10 giờ sáng, tránh phun vào những ngày mưa, chế phẩm sẽ

không có tác dụng hấp dẫn và diệt ruồi.

- Không nên phun thuốc trừ sâu trực tiếp lên trái để diệt dòi vì thường hiệu quả không cao và không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

- Có thể tự làm bả bẫy ruồi bằng cách dùng miếng khóm hoặc cam quýt chín có tẩm thuốc trừ sâu (có thể sử dụng thuốc có hoạt chất Fipronil) cho vào gạo dừa và treo trên cành cây.

Nguồn: sonongnghiep.bentre.gov.vn

Dưa hấu Thái Lan 50 tấn/ha

Mô hình trồng dưa hấu Thái Lan được triển khai tại các thôn Lâm Châu, Minh Quý, Bằng Châu, Tiến Châu (xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà) với diện tích 4 ha. Các hộ tham gia được hỗ trợ kinh phí dưa giống (290.000 đ/sào), nilon che phủ (250.000 đ/sào) ...

Sau gần 3 tháng chăm sóc, dưa hấu Thái Lan có ưu điểm vượt trội các giống dưa khác như dễ trồng, ít sâu bệnh, vỏ mỏng, ruột đỏ, ngọt, quả to, TGSST ngắn (từ 80 - 85 ngày); năng suất thu hoạch đạt từ 48 - 50 tấn/ha.

Ông Nguyễn Văn Huân, hộ tham gia mô hình ở thôn Bằng Châu nói: “Giống dưa này quả đều, trọng lượng không quá lớn cũng không quá nhỏ nên thương lái ưa chuộng tìm đến

tận ruộng thu mua”.

Để nâng cao năng suất dưa, ông Huân tiến hành bấm ngọn để cây bật nhánh, đồng thời tỉa bỏ các nhánh phụ; chỉ để lại 2 nhánh khỏe. Khi ra hoa thì tiến hành thụ phấn bổ sung vào thời điểm 6 - 8h sáng bằng cách quét phấn ở hoa đực vào đầu nhụy trên hoa cái tại vị trí hoa thứ 2 hoặc 3 trên dây là đẹp nhất (loại bỏ hoa, quả ra đầu tiên). Loại bỏ quả xấu, quả sâu chỉ để lại 1 quả trên cây/gốc. Đợt bấm ngọn thứ 2 ông làm sau khi chọn được quả cần giữ khoảng 1 tuần, để cây tập trung dinh dưỡng nuôi quả. Bằng cách làm trên, ông Huân và các hộ tham gia mô hình đều đạt năng suất cao, bán giá ổn định 6.000 - 6.500 đ/kg, trừ mọi chi phí lãi ròng trên 100 triệu đ/ha.

Nguồn: nongnghiep.vn

Bệnh lạ trên thanh long và giải pháp

Những ngày này xuống Châu Thành - Long An và Chợ Gạo - Tiền Giang, thủ phủ trồng thanh long ở ĐBSCL đều gặp các chủ vườn với nét mặt rầu rĩ, hoang mang vì một loại nấm bệnh lạ tấn công mà mức độ được ví không khác gì nấm *Corynespora* gây ra bệnh vàng rụng lá trên cây cao su từng bùng phát ở Đông Nam bộ vào năm 2011.

Hoang mang vì “bệnh lạ”

Triệu chứng bắt đầu chỉ là những đốm trắng nhỏ khoảng 1 mm rải rác trên cành, 1 tuần sau mới to ra khoảng 2 - 3 mm chuyển sang màu nâu và sau đó lớn dần lên và khô đi. Nhiều vết khô dính liền lại với

nhau làm cho chết cành, chết cây. Ở những vườn mới bị nhiễm lác đác đôi cành thì việc giảm năng suất chưa rõ nhưng ác thay là trái cũng mang đầy vết bệnh và bị thải loại.

Ông Đinh Văn Chiến, ấp Quang Ninh, xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo có 360 trụ vừa mới bị nấm tấn công 2 tháng nay nhưng khi thu được 43 kg thì chỉ có 8 kg được mua với giá 6.000 đ/kg, còn lại đều bị thương lái lác đầu, năn nỉ mãi họ mới chịu lấy với giá 1.000



đ/kg.

Sát vườn ông Chiên, bà Đinh Thị Hải ngồi thu lu cạnh đồng thanh long, nơi góc mít đầu hồi căn nhà lá, than thở: Năm 2011, tôi thấy người ta trồng thanh long ruột đỏ hột bạc quá trời nên mới cố vay mượn để trồng được 280 trụ, năm nay có bói, ai dè bị nấm người ta chỉ trả giá 1.000 đ/kg.

Ông Nguyễn Văn Trọng, xã Long Trì, huyện Châu Thành có 2 ha, nhưng chỉ sau vài tháng đã có tới 40% diện tích bị nhiễm và năng suất giảm 50%, tỷ lệ trái thải loại lên đến 60%. Ông Lê Đắc Xuân, xã Dương Xuân Hội có 20 năm gắn bó với 1,5 ha cây thanh long cho biết vườn của ông bị giảm doanh thu từ 80 - 100 triệu đồng. Theo Th.S Nguyễn Thị Diệu, Trạm BVTV Châu Thành thì đã có khoảng 40% diện tích thanh long của

huyện này bị nhiễm.

Nhiều nhà vườn đã sử dụng rất nhiều loại thuốc trừ nấm khác nhau, thậm chí hỗn hợp nhiều loại thuốc với nồng độ cao nhưng đều bất lực vì “hôm nay phun, mai khô, kia lại tái phát”.

Theo TS Nguyễn Như Cường, GD Trung tâm Nghiên cứu BVTV Nam bộ, tác nhân gây bệnh là một loài nấm. Năm 2009, bệnh lần đầu được ghi nhận ở Đài Loan và Bình Thuận của VN với nhiều tên gọi khác nhau như “đốm nâu”, “mắt cua”, “đốm trắng”, “tắc kè”. Vì mới chưa có “y văn” nên việc phòng trừ căn bệnh nguy hiểm này cũng đang trong vòng nghiên cứu.

Phòng trừ tổng hợp

Tuy chưa có thuốc đặc trị, chưa có quy trình phòng trừ nhưng quan sát ngoài đồng có

thể thấy bệnh có quy luật lây nhiễm như một căn bệnh do nấm điển hình, đây là mùa mưa nhiễm nặng hơn mùa nắng; nhất là trong điều kiện nắng mưa xen kẽ tạo nhiệt độ và ẩm độ cao.

Điều đặc biệt hơn, với những vườn thấp, trằm thủy, bón phân gà chưa ủ lấp bằng mụn dừa tươi thì bệnh càng nặng. Vườn ông Đinh Hải Bằng, ấp Quang Ninh, xã Quron Long có 1.600 trụ thì chỉ có 800 ở phần vườn thấp và bón phân gà tươi bị nặng; còn phần vườn cao, thoát nước tốt hơn lại nhẹ hơn nhiều.

Đặc biệt với những vườn không bón phân gà tươi, không dùng mụn xơ dừa ủ gốc mà chỉ dùng phân hữu cơ công nghiệp thì mức độ nhiễm nhẹ hẳn. Bên cạnh biệt thự mới xây 3 tỷ đồng từ lợi nhuận thanh long, ông Đoàn Hùng Minh, ấp Cầu

Hàng, xã An Lục Long, huyện Châu Thành thách chúng tôi tìm được vết bệnh ở 1.300 trụ của vườn ông.

Khác với những vườn khác, vườn của ông không “láng o”, dưới gốc thanh long có nhiều cây rau trai mọc lẫn cỏ nhưng sao lại không bị nhiễm? Ông cho biết, trước đây ông dùng phân gà tươi nhưng từ năm 2009 đến nay chỉ dùng duy nhất phân hữu cơ Trimix - N1 của Cty Điền Trang kết hợp với NPK 20-20-15 của Bình Điền, chia nhiều lần bón mà tuyệt nhiên không dùng phân gà hay phân gì khác nhưng năng suất vẫn đạt 40 tấn/ha, tỷ lệ thải loại dưới 1%. Và điều đặc biệt, thanh long nhà ông đều có vỏ dày, có tai xanh mướt “gầy đòn được”.

Lúc đầu nhiều người không tin nên đến rình xem ông bón phân gì mà hiệu quả cao như

vậy, nhưng khi thấy ông chỉ bón Điền Trang với NPK Bình Điền nên mọi người dùng theo và kết quả của những vườn khác cũng đạt “xêm xêm”.

Cũng như ông Minh, ông Nguyễn Văn Út, ấp Quang Ninh, xã Qươn Long đã dùng phân Trichomix Điền Trang 3 năm nay, mỗi năm 80 -100 bao (4 - 5 tấn) chung với NPK 20.20.15 của Bình Điền cho vườn thanh long rất hiệu quả, không bị nấm bệnh; trong khi vườn của anh ruột cạnh đây dùng phân gà tươi lại đang bị “bệnh lạ” tấn công. Những vườn dùng phân hữu cơ Điền Trang thì độ pH đều trên 5, còn vườn dùng phân gà thì độ pH chỉ 4,2 - 4,3.

Theo ông Lê Minh Mẫn, Phòng NN-PTNT huyện Châu Thành, do mấy năm liền được giá nên diện tích thanh long

đang tăng nóng. Toàn huyện hiện có 2.156 ha, trong đó 600 ha trồng mới và việc dùng phân hữu cơ Điền Trang đang được bà con nông dân tin tưởng.

Cũng theo ông Mẫn, để hạn chế “bệnh lạ”, cán bộ khuyến nông đang ráo riết khuyến cáo bằng mọi cách phải tạo độ thoát nước tốt, cắt bỏ cành trái bị bệnh, không vớt cành bệnh lại trong vườn mà thu gom vào một chỗ để xử lý. Tuyệt đối không vớt xuống mương, kinh rạch để tránh mầm bệnh lây lan theo nguồn nước. Với những vườn dùng phân gà tươi và mụn xơ dừa tươi cần bón ngay vôi, sử dụng thuốc trừ nấm phổ rộng để ngăn chặn việc bùng phát, sử dụng phân hữu cơ Trichomix đi đôi với việc hạn chế phân đạm.

Nguồn: Nongnghiep.vn

Phòng trừ cỏ dại trên ruộng lúa

Muốn hạn chế tác hại của cỏ dại trên ruộng lúa, nông dân cần phải áp dụng kết hợp nhiều biện pháp một cách đồng bộ và hợp lý. Phân loại theo đặc điểm thực vật cho thấy trên ruộng có 3 nhóm cỏ:

Nhóm cỏ hoà bản, còn gọi là cỏ lá hẹp: là các loại cỏ như cỏ lồng vực hay còn gọi cỏ gao, cỏ chỉ nước, cỏ đuôi phụng... Đây là nhóm cỏ khó phòng trừ, nhất là cỏ đuôi phụng do hạt cỏ nhỏ, nhẹ nên dễ dàng phát tán trong gió, lây lan trên diện rộng.

Nhóm cỏ lá rộng: là các loại cỏ như rau bợ, cỏ xà bông, cỏ đồng tiền... Nhóm cỏ này tương đối dễ phòng trừ, trong quá trình làm vệ sinh đồng ruộng nếu làm kỹ sẽ hạn chế phần lớn loại cỏ này.

Nhóm cỏ, lác: đó là các loại cỏ như cỏ, lác, năn... Đây

cũng là nhóm cỏ khó phòng trừ và hiện nay một số bà con cho rằng nhóm cỏ này đã kháng thuốc.

Các biện pháp phòng trừ cỏ dại:

Trước khi làm đất cần dọn sạch cỏ dại trên ruộng. Nếu ruộng quá nhiều cỏ mà điều kiện thời gian cho phép thì trước khi làm đất khoảng 10-15 ngày, bà con có thể dùng thuốc trừ cỏ không chọn lọc như: gamoxon, lyphosat, carphosat... phun xịt. Hoặc cày bừa ruộng cho cỏ mọc, sau đó bừa trực lại để giảm bớt hạt cỏ trong đất.

Cày bừa kỹ, kết hợp san bằng mặt ruộng giúp đồng đều mực nước trong ruộng, dùng nước khống chế cỏ. Nếu ruộng khô phải sạ chay thì đốt rom rạ để diệt cỏ và hạt cỏ trên ruộng.

Phân hữu cơ phải được ủ

kỹ cho thật hoai mục để diệt hạt cỏ.

Giống lúa phải đạt tiêu chuẩn, không có quá 10 hạt cỏ dại/kg hạt giống.

Phải sàng sảy kỹ hạt giống để loại bỏ hạt cỏ dại. Trước khi ngâm ủ giống tiếp tục loại bỏ hạt cỏ dại và hạt lép lửng một lần nữa bằng cách cho hạt giống vào dung dịch nước muối 15% để hạt cỏ và hạt lép lửng nổi lên trên rồi vớt bỏ.

Sau khi xuống giống khoảng 4-5 ngày, cho nước vào ruộng rồi nâng dần mực nước theo chiều cao của cây lúa cho đến khi mực nước đạt khoảng 5 cm. Với lúa cấy, cần cho nước vào ruộng ngay khi cấy. Giữ mực nước này ít nhất 10-15 ngày để không chế hạt cỏ dại nảy mầm.

Kết hợp với cấy giặm, phải tiến hành nhổ cỏ sớm (sau

sạ khoảng 20-25 ngày).

Bón phân, bơm nước đầy đủ để cây lúa sinh trưởng mạnh, nhanh chóng giao tán phủ kín mặt ruộng không chế, lần át cỏ dại ngay từ đầu vụ.

Tiến hành cắt bông cỏ sớm, trước khi hạt cỏ chín rụng xuống tồn trữ trong đất.

Cùng với những biện pháp trên, cần sử dụng thuốc diệt cỏ ngay từ đầu vụ. Thuốc trừ cỏ cho lúa hiện nay có nhiều loại với nhiều tên thương mại khác nhau, khi sử dụng nên theo nguyên tắc 4 đúng.

Chọn loại thuốc có hiệu quả diệt trừ cao với loại cỏ cần trừ như các thuốc Facet, Whip-S, Clincher... Có thuốc chuyên trừ, nhóm cỏ chác lác (như cỏ cháo, cỏ chác, cỏ lác...) và nhóm cỏ lá rộng (như cỏ đồng tiền, cây mác bao, cây xà bông...) như các thuốc 2,4 D, Sunrice, Ally... Hiện nay có

một số loại thuốc hỗn hợp có thể diệt được cả 3 nhóm cỏ như các thuốc Sirius, Clipper, Nominee, Turbo...

Thời gian sử dụng của thuốc phù hợp với giai đoạn phát triển của cỏ trong ruộng. Đối với những vùng chủ động nước, có điều kiện làm đất kỹ nên dùng thuốc trừ cỏ tiền nảy mầm hoặc hậu nảy mầm sớm, trong vòng 10 ngày đầu sau khi xuống giống.

Thuốc diệt cỏ loại này hiện có khá nhiều loại. Bà con có thể sử dụng một số loại như: Venus 300EC, Sofit 300EC, Ronstar 25EC, Vithafit 300EC. Phun vào thời điểm 4 ngày sau khi sạ hoặc sau khi cấy. Do đặc điểm thời tiết của vụ hè thu ở

Cà Mau thường bị khô hạn ở đầu vụ, việc sử dụng thuốc tiền nảy mầm gặp khó khăn trong khâu làm đất.

Trong trường hợp này bà con có thể sử dụng một số loại thuốc hậu nảy mầm như: Pyanchor 3EC, Whip-S 7,5EW, Clincher 10EC, Zico 720DD, Cantosin 600DD, Tiller Super EC...

Lưu ý: Đối với thuốc diệt cỏ, bà con phải thực hiện một cách nghiêm ngặt theo như hướng dẫn trên bao bì. Nếu không, hiệu quả diệt cỏ sẽ kém mà đôi khi còn ảnh hưởng xấu đến cây lúa. Trước khi sử dụng, cần đọc thật kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất./.

Nguồn:baocamau.com

Tưới phun mưa cho rau

Anh Lê Anh Đức (tổ 19, thôn Bình Túy, xã Bình Giang, Thăng Bình) trồng 4 sào rau răm, húng, quế, mỏng toi... ở vùng cát khô hạn nên thường phải thức dậy từ 3 giờ sáng để gánh nước tưới. Cách đây 3 tháng, được Phòng NN-PTNT huyện cùng IDE hỗ trợ kỹ thuật và 30% kinh phí, anh đầu tư gần 7 triệu đồng cho hệ thống tưới phun mưa với 120 đầu phun và đường ống để tưới rau. Nhờ đó cây đủ nước, phát triển tốt, cho thu nhập mỗi ngày từ 150.000 - 200.000 đ, gấp đôi năm ngoái.

Tại vùng chuyên canh rau của xã Bình Triều đã có 70 hộ được IDE hỗ trợ kinh phí đầu tư hệ thống phun mưa cho 35

ha đất trồng rau. Theo ông Trịnh Tấn Ưu, một nông dân trên 30 năm trồng rau, việc đầu tư hệ thống tưới phun mưa là một trong những hạng mục của đề án xây dựng chuẩn VietGAP. Muốn xây dựng vùng rau an toàn, sạch bệnh thì nước tưới và cách tưới nước rất quan trọng bởi ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất, chất lượng rau.

“Áp dụng quy trình kỹ thuật tưới phun mưa mới nên thời gian trồng rau của tôi được



rút ngắn. Trên diện tích 5 sào đất cát, tôi có thể SX được khoảng 40 lứa rau mầm từ 7 - 8 ngày tuổi/lứa/năm. Các loại rau thông thường như cải thìa, cải bẹ, rau gia vị... vẫn trồng được trái vụ, nhất là vào mùa khô hạn nên số lần canh tác đã tăng lên 12 lứa/năm, trước đây chỉ khoảng 8 lứa”, ông Ưu chia sẻ.

Toàn huyện có 120 hộ ở các xã Bình Phục, Bình Sa,

Bình Dương, Bình Triều và Bình Giang lắp đặt hệ thống tưới phun mưa, tạo nguồn thu nhập ổn định cho người trồng rau. “Các xã vùng đông của huyện có diện tích SX rau rất lớn. Từ nay đến cuối năm, huyện và IDE sẽ tiếp tục nhân rộng hệ thống tưới phun mưa cho 250 hộ trên địa bàn”, ông Nguyễn Xuân Vũ, Phó phòng NN-PTNT huyện Thăng Bình cho biết.

Nguồn: nongnghiep.vn

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả

1. Lựa chọn và mua thuốc

Mua loại thuốc phù hợp để phòng trừ đúng đối tượng dịch hại, thuốc có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) được phép sử dụng và hạn chế sử dụng tại Việt Nam và do các đại lý được cấp phép bán. Thuốc BVTV được mua có dán nhãn ghi rõ các thông tin cần thiết: tên thương mại của thuốc, tên hoạt chất, đối tượng phòng trừ, liều lượng sử dụng, ngày sản xuất,...

Không mua các thuốc mà bao bì đã bị hư hỏng; nhãn phai mờ khó đọc, nhãn có dấu hiệu dán lại; không có nhãn bằng tiếng Việt, không có ngày sản xuất và hạn sử dụng

2. Vận chuyển và bảo quản thuốc

Khi vận chuyển thuốc BVTV cần cẩn thận, tránh đổ vỡ, rò rỉ thuốc. Bảo quản tại nơi mát mẻ, người không có nhiệm vụ, gia súc không tiếp cận được và không được để lẫn với đồ uống, thực phẩm và các loại hàng hoá khác. Để thuốc tại nơi khô ráo, cách xa ngọn lửa và ánh sáng trực tiếp của mặt trời.

3. Hướng dẫn về an toàn

Khi sử dụng hay tiếp xúc với thuốc BVTV phải mặc bảo hộ lao động phù hợp: Quần áo bảo hộ lao động, áo choàng; kính, nón; găng tay, ủng; khẩu trang, mặt nạ. Phải đọc kỹ hướng dẫn ghi trên nhãn trước khi sử dụng.

Không đi phun rải thuốc vào lúc trời nắng nóng, khi gió to, đi ngược chiều gió.

Không được ăn uống, hút thuốc khi đang phun rải thuốc. Không sử dụng thiết bị phun rải thuốc bị rò rỉ, hư hỏng hoặc để thuốc dính lên da.

Dọn bao bì, chai thuốc vào một chỗ, tiêu huỷ đúng quy định. Rửa thiết bị phun rải sạch sẽ, đúng cách (rửa bằng xà phòng), cất vào kho.

Không đổ thuốc đã pha không sử dụng hết và nước súc rửa thiết bị phun rải xuống nguồn nước, làm ô nhiễm môi trường.

Tắm, giặt quần áo bảo hộ và công cụ bảo hộ lao động bằng xà phòng. Cần ngăn người và gia súc đi vào nơi mới xử lý thuốc ít nhất sau 48 giờ.

4. Sử dụng thuốc

Nguyên tắc 4 đúng sử dụng thuốc BVTV là dùng loại thuốc phù hợp nhất để phòng trừ dịch hại, bảo vệ môi trường, sức khoẻ con người, an toàn thực phẩm và hiệu quả kinh tế.

Một loại thuốc BVTV thường chỉ phòng trừ được một hay một số loài dịch hại, chúng chỉ thích hợp với những điều kiện thời tiết, đất đai, canh tác, cây trồng nhất định. Cần xác định loài dịch hại nào đang gây hại để chọn mua đúng loại thuốc thích hợp, trên nguyên tắc: sâu bệnh nào - thuốc nấy.

Sử dụng đúng lúc là dùng thuốc vào thời điểm mà hiệu quả phòng trừ dịch hại cao nhất, mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất nhưng ít gây hại cho môi trường và sức khoẻ con người nhất.

Sử dụng đúng liều lượng, nồng độ là sử dụng với nồng độ và liều lượng đem lại hiệu quả phòng trừ dịch hại và hiệu quả kinh tế cao nhất, đồng thời giảm thiểu tác hại do thuốc BVTV gây ra đối với môi trường, con người và sản phẩm.

Đọc kỹ hướng dẫn trên nhãn để tính toán đúng lượng thuốc cần sử dụng và lượng nước để pha thuốc cho diện tích và đối tượng cây trồng cần xử lý. Phải có dụng cụ, cân đong thuốc, không ước lượng ẩu lượng thuốc cần dùng. Cần phun hết lượng thuốc đã tính toán trên diện tích cần phun thuốc.

Sử dụng đúng cách (đúng kỹ thuật): Là sử dụng với kỹ thuật mang lại hiệu quả phòng trừ dịch hại và hiệu quả kinh tế tối ưu nhưng ít gây hại đến môi trường và sức khỏe con người nhất.

5. Xử lý vỏ, bao bì thuốc đã qua sử dụng

Thu dọn sạch sẽ không để vương vãi thuốc và bao bì thuốc trên đồng ruộng. Bao bì chứa thuốc, vật liệu nhiễm thuốc là loại rác thải độc hại cần phải được thu gom để đúng nơi quy định. Bao bì thuốc đã qua sử dụng phải được thải bỏ theo khuyến nghị của nhà sản xuất, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn cho người và môi trường. Không sử dụng bao bì thuốc BVTV cho các mục đích khác./.

Nguồn: baocamau.com

Bền vững với nuôi xen, trồng xen

Dưới tác động của biến đổi khí hậu, việc lựa chọn cây con giống thích ứng với từng vùng đất là hết sức quan trọng, áp dụng các biện pháp nuôi trồng thích hợp là yếu tố quyết định giúp nhà nông thành công. Thực tế cho thấy các mô hình nuôi trồng kiểu sinh học, sinh thái, tự nhiên hay nuôi xen, trồng xen đều cho hiệu quả kinh tế khá bền vững.

Lợi thế của các nhà vườn

Toàn tỉnh Bến Tre hiện có khoảng 1.700ha diện tích nuôi tôm càng xanh trong mương vườn, trong đó, Giồng Trôm và Mỏ Cà Nam là hai địa phương có diện tích lớn. Giồng Trôm có gần 500ha được bà con nuôi với nhiều hình thức như nuôi nhử (từ nguồn tôm giống tự

nhiên), nuôi nhốt (tôm giống nhân tạo). Anh Lê Văn Mến - Chủ tịch Hội Nông dân xã Lương Phú cho biết, bà con địa phương đã có nhiều kinh nghiệm với kiểu nuôi tự nhiên, gần như bà con thả nuôi quanh năm vì cứ ba tháng là thu hoạch một lần (nuôi nhử). Riêng với nuôi nhốt, thời gian kéo dài khoảng 5-6 tháng. Bà con cải tạo ao mương vườn, đắp đập lại là có thể nuôi được. Anh Mến cho biết thêm, ở Lương Phú, Thuận Điền, Long Mỹ, Tân Hào..., bà con đều đắp đập nuôi tôm càng xanh, cứ 10 nhà là có 8 nhà nuôi. Anh Nguyễn Nhật Cường - cán bộ kỹ thuật Phòng Nghiệp vụ khuyến ngư tỉnh cho biết, hiện Trung tâm Khuyến ngư đã đầu

tư 4 dự án lớn về phát triển nuôi tôm càng xanh trong ruộng vườn khoảng 20ha tại Lương Phú, Thuận Điền (Giồng Trôm), Phước Hiệp và Định Thủy (Mỏ Cày Nam), hiện tôm phát triển khá tốt (Dự án đầu tư 100% con giống, 20% thức ăn). Theo đánh giá của anh Cường, phần lớn các mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng vườn, người nuôi đều có lãi (đã có nhiều mô hình thử nghiệm thành công). Bình quân cứ ba tháng thu hoạch một lần, 1.000m², người nuôi thu khoảng 25kg tôm thịt, nếu nuôi như là có lãi 100% vì chi phí rất ít (thường người nuôi tận dụng thức ăn từ xác dừa hoặc cua, còng từ tự nhiên). Nếu nuôi nhốt, sản lượng còn có thể cao hơn, lợi nhuận cũng nhiều hơn. Một năm, 1.000m², người nuôi có lợi nhuận trên dưới 15 triệu đồng.

Lợi thế của Thạnh Phú: tôm - lúa

Gần như mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa chỉ còn ở huyện Thạnh Phú, diện tích có hơn 8.000ha, tập trung ở các xã: Mỹ An, Bình Thạnh, An Điền, An Thạnh, An Thuận... Anh Phan Văn Bình - Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện cho biết, mô hình đang phát triển khá mạnh tại địa phương, trong những năm gần đây, bà con nuôi đều có lãi. Thời vụ bắt đầu từ tháng 2 đến tháng 10 hàng năm (một vụ nuôi là 4-5 tháng). Mỹ An có diện tích khá lớn với 900ha ở các ấp: Thạnh Mỹ, An Bình, An Hòa, Thạnh Hưng. Anh Lê Minh Mạng - Chủ tịch Hội Nông dân xã cho biết, trước đây Trung tâm Khuyến ngư tỉnh có đầu tư mô hình nuôi, cho hiệu quả cao. Từ đó, bà con mạnh dạn thả

nuôi, lợi nhuận mang lại rất khả quan. Bởi bên cạnh lợi nhuận thu được từ con tôm, bà con còn có lúa để ăn. Sau vụ mùa, bà con còn tận dụng mặt nước sẵn có nuôi thêm vụ tôm thẻ chân trắng, cũng rất có hiệu quả. Đánh giá mô hình của địa phương, ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch UBND xã Bình Thạnh cho rằng, nếu tính ra lúa, một vụ tôm bà con thu hoạch bằng 30 gia lúa ăn chắc/công. Như vậy, nếu 1ha, một năm vừa tôm, vừa lúa cộng lại, bà con thu hoạch từ 7-8 tấn lúa/ha. Những hộ có đất từ 1ha trở lên, cứ đều đặn mỗi vụ là có lãi từ 30 triệu đồng trở lên (hộ anh Nguyễn Văn Phương - ấp Thạnh Mỹ, Huỳnh Minh Truyền - ấp An Bình). Ông Hùng cho biết, xã Bình Thạnh hiện có hai mô hình mang hiệu quả kinh tế: một là

cây mía, hai là nuôi tôm còng xanh xen lúa. Từ những mô hình này, nhiều hộ đã thoát nghèo, vươn lên khá giàu, như hộ anh Nguyễn Văn Bé, Hồ Văn Luân - ấp Thạnh Lại, hộ anh Trần Văn Dương, Trần Thị Ánh - ấp Thạnh Lợi.

Thay lời kết

Phát biểu tại buổi làm việc với UBND huyện Thạnh Phú về việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, ông Trần Anh Tuấn - Phó Chủ tịch UBND tỉnh nhấn mạnh, cần xác định và nhân rộng chọn lựa cây con giống thích hợp với điều kiện tự nhiên, các mô hình nuôi xen, trồng xen có hiệu quả. Thực tế cho thấy, những mô hình đầu tư vốn ít, chăn nuôi sạch, sản phẩm chất lượng cao là có hiệu quả kinh tế và bền vững.

Một kinh nghiệm thoát nghèo bền vững

Hiện, Mỏ Cày Nam (Bến Tre) đang có nhiều mô hình thoát nghèo, trong đó anh Nguyễn Văn Út đã thoát nghèo bền vững nhờ tích lũy nhiều kinh nghiệm trong quá trình chăn nuôi.

Sau khi gà nở, anh Út tuyển chọn những con gà khỏe mạnh để cung cấp gà con cho các tỉnh.

Năm 2009, hộ anh Nguyễn Văn Út được UBND xã xem xét đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay 6 triệu đồng để chăn nuôi. Số tiền này cộng với 2 triệu đồng dành dụm đủ để mua một con bò cái. Đến năm 2011, bò cái đẻ ra một con bò đực, vài tháng sau anh Út bán được 4 triệu đồng. Giữa năm 2011, bò cái có chửa

được 5 tháng, anh Út bán được 6 triệu đồng. “Để dứt nợ ngân hàng và thoát nghèo bền vững, tôi lấy 6 triệu đồng và tiền lãi trả hết cho ngân hàng. 4 triệu đồng nhờ bán bò con tôi trích ra một ít để mua 300 con gà nòi lai về thả vườn” - anh Út cho biết hướng đi mới trong chăn nuôi của gia đình.

Nói về kinh nghiệm trong chăn nuôi, anh Út cho biết, bò ít bệnh, dễ nuôi nhưng thời gian nuôi bò vỗ béo kéo dài đến 2 năm mới bán được. Nuôi bò sinh sản thì mau kiếm tiền nhưng không nhiều. Để nuôi bò vỗ béo hay bò sinh sản, nên chuồng phải tráng xi-măng vì bò không chịu nền ẩm ướt. Cỏ nuôi bò nên đổi thường xuyên và phải cho ăn rom.

Năm 2011, anh Út nuôi đợt I: 300 con gà nòi lai tàu, lời 7,5 triệu đồng. Đợt II, anh nuôi 300 con vẫn là gà nòi lai tàu, lời 7,5 triệu đồng. Từ cuối năm 2011 đến nay, cứ 6 tháng anh bán 1.000 con gà nòi lai tàu thả vườn (mỗi con nặng khoảng 1,5kg). Anh Út cho biết, nói là nuôi gà thả vườn nhưng phải làm chuồng ở đầu bờ để gà ngủ hoặc trú mưa. Chuồng nên cất theo hướng Đông hoặc Đông - Nam để đón nắng sáng. Bên trong chuồng nên lót nhiều thanh cây tre, cây cau để gà ngủ. Các thanh cây phải cách mặt đất ít nhất 0,5m và cách nhau 0,3-0,4m. Tuyệt đối không cho gà ăn những thức ăn bị nấm mốc, thối rữa. Gà dễ bị các bệnh: cầu trùng, thương hàn, dịch tả, gumboro nên thường xuyên tiêm thuốc ngừa hoặc pha thuốc ngừa vào nước cho gà uống mỗi ngày.



Vừa nuôi gà thả vườn, anh Út vừa làm thêm nghề ấp gà. Ban đầu ít vốn, anh Út chỉ đầu tư hai lò ấp gà, mỗi lò ấp khoảng 3.000 trứng. “Thấy nuôi gà thả vườn cũng chưa thoát nghèo bền vững lắm, tôi làm thêm nghề ấp gà để bán đi các tỉnh. Trước khi đưa trứng vào ấp phải chọn lựa từng trứng vì mỗi giống gà cho trứng có trọng lượng khác nhau. Vỏ trứng phải sạch, không rạn vỡ. Ở đây, tôi chỉ ấp gà Tàu, gà Đông Tảo, gà nòi lai Tàu, gà Tam Hoàng” - anh Út cho biết. Hiện nay, anh đã đầu tư 8 lò ấp.

Từ năm 2012 đến nay, mỗi tháng anh Út xuất khoảng 5.000 gà con đi các tỉnh: Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang, Long An, Tây Ninh, Đồng Tháp, Bình Phước... “Cứ 5.000 gà con tôi lời khoảng 5 triệu đồng. Cả năm thu lợi nhuận từ gà con ít nhất 50 triệu đồng” – anh Út phấn khởi nói.

Tỷ lệ gà nở đạt 80%, còn gà đạt yêu cầu để bán chỉ đạt từ 50-65%. Số gà phải loại bỏ, anh Út để dành nuôi trăn. Từ khi “có thêm” nghề ấp gà đến nay, mỗi năm anh Út bán 10 con trăn. Trừ chi phí, còn lãi 18 triệu đồng. Thức ăn cho trăn chủ yếu là những con gà cần phải loại bỏ. Hiện nay, anh đang chuẩn bị chuồng để thả nuôi 20 con trăn. Trăn dưới 6 tháng tuổi thì trọng lượng thức ăn phải bằng 30% trọng lượng cơ thể của nó. Nhưng phải chia

ra 7-10 lần cho ăn. Khi trăn trên 6 tháng đến 1 năm tuổi thì lượng thức ăn giảm còn 20% so với trọng lượng của nó. Trăn trên 1 năm tuổi thì trọng lượng thức ăn còn 10% so với cân nặng của trăn (cho ăn 2-4 lần/tháng).

Không những nuôi trăn, tận dụng gà chết, anh Út nuôi 600 con cá trê lai gần 2 năm nay. Mỗi con nặng khoảng 1,5kg, thu lời ít nhất 15 triệu đồng.

Ông Nguyễn Văn Viễn - Chủ tịch Hội Nông dân xã Đa Phước Hội cho biết, ở ấp An Vĩnh 2, hộ anh Nguyễn Văn Út là điển hình về thoát nghèo bền vững. Với lợi nhuận mỗi năm gần 100 triệu đồng, anh được nhận danh hiệu Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp huyện. Hộ anh Út thoát nghèo từ năm 2010, đáng để các hộ nghèo học tập rút kinh nghiệm.

Nguồn: baodongkhai.com.vn

Những điều lưu ý khi nuôi cá tai tượng an toàn sinh học

Trong những năm gần đây, nghề ương, nuôi cá tai tượng đối mặt với nhiều rủi ro như dịch bệnh, giá cả đầu ra. Vì thế, để góp phần ổn định nghề nuôi cá tai tượng thì việc áp dụng quy trình nuôi an toàn sinh học là rất cần thiết nhằm đảm bảo sức khỏe cho cá nuôi, cho người nuôi, người sử dụng và môi trường.

Dưới đây là một số lưu ý khi nuôi cá tai tượng an toàn sinh học:

Chuẩn bị ao: Vệ sinh ao sạch sẽ trước mỗi vụ nuôi: sên vét bùn đáy ao, bón vôi từ 10-15 kg/100m², phơi đáy tốt nhất trên 10 ngày. Nguồn nước lấy vào phải sạch không ô nhiễm, cống lấy nước phải có lưới lọc. Sau khi lấy nước vào ao, cần sát trùng nước ao bằng hóa chất

mới tiến hành thả cá để ương hay nuôi.

Con giống: Chọn giống tốt, không mang mầm bệnh, cần chọn con giống tại các cơ sở kinh doanh cá giống có uy tín, được cơ quan thú y kiểm dịch chặt chẽ. Trước khi thả cá nên tắm con giống qua nước muối nồng độ từ 2- 3% (200 - 300g/10 lít nước) trong 5- 10 phút.

Mật độ: Mật độ nuôi thích hợp từ 5-10 con/m², thả ghép khoảng 20% cá sắt rằn để giúp xử lý môi trường nước tốt và ổn định hơn. Nếu thả dày tốn chi phí con giống, thức ăn, cá lớn lại không đều, không đạt kích cỡ thương phẩm.

Cho ăn, chăm sóc: Chăm sóc cá nuôi đúng kỹ thuật, cho ăn đầy đủ và thường xuyên, sử

dụng thức ăn viên công nghiệp kết hợp với rau xanh. Định kỳ bổ sung thêm Vitamine C, premix vào thức ăn để tăng sức đề kháng cho cá.

Quản lý nước: Quản lý tốt chất lượng nước ao trong suốt quá trình nuôi, mặt ao thoáng và nhận ít nhất 2/3 lượng ánh nắng mặt trời trong ngày, pH ổn định từ 6,5 - 8,5, nhiệt độ từ 28 - 30 độ C. Hạn chế thay đổi nước để ổn định môi trường nuôi, phải giữ màu nước xanh.

Hạn chế sử dụng hóa chất - thuốc kháng sinh, tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học. Phòng bệnh cho cá lúc chuyển mùa. Vào mùa mưa nên đào rãnh rải vôi xung quanh ao liều lượng 10 kg/100m², định kỳ 15 ngày (mùa mưa) hoặc 30 ngày (mùa nắng) ngâm vôi nông nghiệp - lấy nước trong tát xuống ao (liều lượng 1- 3 kg/100m³ nước tùy theo cá lớn nhỏ) để phòng bệnh cho cá. Bên cạnh đó định kỳ dùng muối xử lý nước liều lượng 1-

2kg/100m³ nước

Định kỳ dùng chế phẩm sinh học hoặc Zeolite xử lý nước và đáy ao, theo liều lượng hướng dẫn trên bao bì.

Ngoài ra trong quá trình nuôi có thể sử dụng một số cây thuốc nam ngâm trong ao nuôi như: lá giác, lá xoan liều lượng từ 10 - 12 kg/100m³ nước, bó thành bó đim xuống đáy ao để vài ngày khi lá cây phân hủy hết vớt bó chà lên để phòng bệnh. Đặc biệt cá tai tượng có thể nuôi 2 giai đoạn để dễ vệ sinh đáy ao và phân cỡ cá nuôi riêng (cần có 2 - 3 ao). Lưu ý khi sang ao cho cá nhện đói trước 1 - 2 ngày, phải thao tác nhanh, nhẹ nhàng và làm lúc trời mát.

Nuôi cá tai tượng an toàn sinh học, yêu cầu người nuôi phải ghi chép sổ nhật ký đầy đủ trong suốt quá trình nuôi để trước hết là tạo kinh nghiệm cho mình vào những vụ nuôi sau và là cơ sở để truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhất là

sản phẩm xuất khẩu.

Nguồn: tiengiang.gov.vn

Mô hình nuôi sò huyết trong ao đất tại xã Dân Thành (Trà Vinh)

Thời điểm được chọn thả giống là vào tháng 4 âm lịch; mật độ thả nuôi là 120 con/m²; tỷ lệ nuôi sống đạt 60%

Thu hoạch sò huyết nuôi trong ao đất

Có dịp được tận mắt nhìn thấy những ao, đầm nuôi sò huyết của người dân ở vùng Tân Biên, Kiên Giang cho lợi nhuận rất cao, năm 2010 anh Võ Văn Sóng, ấp Cồn Cù, xã Dân Thành (Trà Vinh) quyết định nuôi thử nghiệm con sò huyết trong ao đất. Kết quả qua 3 vụ nuôi đều thành công, mang về cho gia đình lợi nhuận vài chục triệu đồng sau mỗi vụ nuôi.

Anh Võ Văn Sóng, phấn khởi cho biết: Sau nhiều vụ nuôi tôm sú thất bại, được sự

động viên và hướng dẫn kỹ thuật nuôi con sò huyết của người thân. Vụ nuôi năm 2011, thông qua người thân tại Tân Biên, Kiên Giang anh được hướng dẫn và chọn mua vài chục kg sò huyết giống, loại giống sò huyết trắng, được khai thác trong tự nhiên tại vùng biển Kiên Giang về ương dưỡng. Anh tận dụng và cải tạo lại 3 ao nuôi tôm sú có diện tích 5.000 m² để thả nuôi. Do mới nuôi lần đầu, chưa nắm bắt được kỹ thuật cũng như tập tính của con sò huyết, nên tỷ lệ sò con bị hao hụt nhiều. Tuy chỉ nuôi thử nghiệm vài ba chục kg sò huyết giống, nhưng ngay vụ nuôi đầu đã mang về cho gia đình anh lợi nhuận vài chục triệu đồng.

Phát huy kết quả đạt, năm

2013 anh Võ Văn Sóng tiếp tục thả nuôi vụ thứ hai cũng vài ba chục kg sò huyết giống. Sau 7 tháng thả nuôi, anh bắt đầu thu hoạch, bằng cách chọn những con đạt kích cỡ bỏ mỗi cho bán hàng ở các chợ và các nhà hàng trên địa bàn. Với nguồn sò huyết thương phẩm thu được không đủ cung cấp cho nhu cầu tiêu thụ tại địa bàn.

Nhìn thấy con sò huyết thích nghi và phát triển tốt trong môi trường ao đất, đầu ra của sản phẩm là rất ổn định và luôn ở mức cao. Từ đó, anh Võ Văn Sóng quyết định đầu tư thả nuôi với số lượng lớn hơn. Bước sang vụ nuôi năm 2013 cũng với diện tích đó, anh Võ Văn Sóng quyết định thả nuôi 50 kg sò huyết giống, loại 12.000 con/kg, có giá 160.000 đồng/kg được mua tại Kiên Giang về nuôi. Thời điểm được anh chọn thả giống là vào tháng 4 âm

lich; mật độ thả nuôi là 120 con/m²; tỷ lệ nuôi sống đạt 60%. Sau 7 tháng thả nuôi anh Sóng tiến hành thu hoạch, lúc này sò huyết đã đạt kích cỡ từ 100 đến 110 con/kg. Giá bán bình quân là 50.000 đồng/kg. Bình quân mỗi kg sò huyết giống thả nuôi sẽ cho ra hơn 70 kg sò thương phẩm.

Trong vụ nuôi của năm 2013, với 50 kg sò huyết giống thả nuôi, anh Võ Văn Sóng đã thu hoạch đợt I được gần 1,3 tấn sò thương phẩm. Dự kiến sản lượng sò còn lại cũng hơn 1,2 tấn, mang về nguồn thu hơn 120 triệu đồng. Trừ các khoản chi phí như: mua con giống; lưới; cải tạo ao; công lao động... thì lợi nhuận thu được là hơn 100 triệu đồng/0,5 ha/vụ nuôi.

Để nuôi sò huyết thương phẩm trong ao đất đạt hiệu quả, anh Võ Văn Sóng cho biết

thêm: Thời điểm thích hợp để thả sò giống vào ao nuôi là vào tháng 4, tháng 5 âm lịch. Về con giống, nên chọn mua loại giống sò huyết trắng, được khai thác trong tự nhiên tại vùng biển Kiên Giang và đã được ương dưỡng; nên dùng lưới bao quanh bờ để sò không lên bờ tránh hao hụt.

Sò huyết là đối tượng rất dễ nuôi, không cần cho ăn, khâu chăm sóc cũng đơn giản, ít xảy ra dịch bệnh. Đặc biệt là nuôi sò huyết trong ao đất còn có tác dụng duy trì chất lượng trong ao; sò huyết lại lớn nhanh rất thuận tiện trong khâu quản lý, là mô hình nuôi ổn định, mang tính bền vững; đồng thời, là loài

có giá trị kinh tế và dinh dưỡng rất cao.

Do đó, có thể kết hợp nuôi sò huyết với các đối tượng khác như tôm sú, cá kèo... để tăng nguồn thu nhập cho kinh tế hộ gia đình. Xuất phát từ nhu cầu thực tế của bà con ngư dân là muốn phát triển nghề nuôi thủy sản theo hướng bền vững; đồng thời, đa dạng được con nuôi. Mô hình nuôi sò huyết trong ao đất của hộ anh Võ Văn Sóng, ấp Cồn Cù đã được UBND xã Dân Thành kết hợp phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Trung tâm Khuyến nông – Khuyến ngư tỉnh Trà Vinh tổ chức Hội thảo đầu bờ để phát huy và nhân rộng.

Nguồn: vietlinh.com.vn

Chiếc máy xới “3 trong 1” của ông tư Xự

Với 3 tính năng “xới đất, đào mương, vun liếp”, ông tư Xự (Nguyễn Văn Xự) sáng tạo giàn rãnh máy xới đất trồng rau màu, khắc phục tình trạng khan hiếm nhân công đào cuốc và đẩy nhanh tiến độ thời vụ. Đây là công trình nghiên cứu thứ 5 của một lão nông từng được xã Kiến An xét chọn “Nông dân giỏi” và được UBND tỉnh An Giang tặng Bằng khen.

Năm nay đã 71 tuổi, nhưng ông tư Xự vẫn tự tay tháo ráp giàn xới, chỉnh sửa ốc vít không thua trai tráng. “Già rồi. Mà, khoái quá thì cứ mần thôi” – ông cười khà khà. Máy xới “3 trong 1” này đã bán qua miệt Cao Lãnh được một chiếc 18 triệu đồng. Song, điều

người ta chưa chịu là chỉnh bộ răng lại, khiến ông thử nghiệm lắp đặt một chiếc nữa. “Nhà nông mần rầy, rất rành việc xới đất và vun liếp, họ đều ưng ý với chiếc máy này. Còn chạy đào mương thì tạm thời, do độ sâu chỉ mới 2,5 tấc là cạn quá, phải từ 3 tấc đến 4 tấc, hoặc 5 tấc lại càng tốt” – ông tư Xự giải thích. Công dụng mương đào là để chứa nước tưới, vừa làm nhiệm vụ thoát úng. Do



vậy, nó phát huy được cả mùa nắng và mùa mưa. “Muốn đào mương 1 công đất rẫy phải mướn 8 người, mần cật lực trong một ngày mới rồi. Trong khi đó, máy xới “3 trong 1” của tui chỉ cần 1 người điều khiển, chi phí đương nhiên rẻ hơn” – ông tự tin.

Đầu tháng 6 này, ông tư Xự đã bán cho UBND tỉnh Đồng Tháp được 5 chiếc máy xới “không bánh” chuyên để xới đất phục vụ trồng rau màu và làm vườn, với giá khoảng 15 triệu đồng/chiếc. Hiện tại, ông còn đang lắp đặt tiếp 5 chiếc nữa để bán qua Đồng Tháp. “Lãnh đạo tỉnh bên đó mua về tặng cho mỗi Hội Làm vườn một chiếc, dùng để xới gốc xoài vô phân và xới đất liếp trồng rẫy” – ông cho hay. Đó là sáng tạo thành công cách nay hơn 4 năm, ông đã cung ứng trên 200 chiếc về khu vực

Khánh Hòa, Mỹ Đức (huyện Châu Phú), vùng Đồng Tháp Mười. “Nếu mướn 5 người cuộc tối ngày chỉ được một công đất, giá mướn 150.000 đ/người/ngày. Máy xới chấp 20 người cuộc đất xem đẳng nào lợi hơn” – ông tư Xự so sánh. Có máy xới không sợ khan hiếm nhân công, và lại đất trồng rẫy xới không giống như đất trồng lúa. Dân trồng rẫy rất “khó tính” khi xới đất liếp, không muốn để lại dấu vết trên mặt đất. Như vậy, chiếc máy xới “không bánh” ra đời từ ý tưởng đó, nhiều người ủng hộ và nhiệt tình đón nhận.

Từ miệt cù lao Kiến An, ông tư Xự lặn lội lên tới Thủ Đức, tìm mua sườn máy xới loại nhỏ nhất và không cần đầu máy chạy. Khi đem về, ông tháo hết 2 bánh, giàn xới bán lại... đồ món; rồi nhờ thợ rèn đúc bộ răng mới theo ý mình,

lắp đặt máy nổ 6,5 ngựa; còn bộ nhông và hộp số vẫn tiếp tục tận dụng. “Máy xới hoạt động bình thường, bộ răng xới lăn thay cho hai bánh, không để lại dấu vết trên liếp theo ý muốn của chủ đất. Máy năm nay, tui còn nghĩ ra cách xoay tay lái ngang hông, máy vẫn chạy thẳng tắp” – ông cho biết. Bởi lẽ, dân trồng rẫy vùng Đồng Tháp Mười đòi người cầm máy xới phải lợi mương, để mặt đất liếp xới xong không bị dằn nén. Và từ đây, ông lại tiếp tục nghĩ ra cách thay răng xới “3 trong 1”. “Nhờ được tiếp cận với thầy cô ở các viện, trường, rồi nghe bạn nhà nông các nơi nói ý tưởng nên tôi về nhà bày ra màn. Xong cách này, lại nghĩ ra cách khác, miễn sao có lợi cho nông dân là màn” – ông tư Xự thú thiệt. Các “sáng tạo” của ông đều trình làng, mời bà con đến coi, không giấu giếm.

Trong vòng 10 năm trở lại đây, ông tư Xự đã có nhiều “công trình” đề đời, như: Cải tiến máy cắt cỏ cầm tay dùng tưới rẫy, máy đánh rãnh đường nước trên đất lúa, dưa hấu bò giàn... Bây giờ, cho ra đời máy xới “3 trong 1” và sáng tạo từ chiếc máy xới “không bánh”. Vậy mà, trong tay ông vẫn chưa có một bằng sáng chế hay giấy chứng nhận do cơ quan chuyên ngành cấp. Nhắc tới chuyện này, ông trầm tư: “Nói cho ngay, mấy chú, mấy cô bên Sở Khoa học – Công nghệ An Giang và Sở Nông nghiệp – Phát triển nông thôn An Giang có hướng dẫn, song tại tui hông có nghĩ lợi lộc gì khác. Già cả rồi”. Do vậy, chiếc máy tưới rẫy cầm tay, máy đánh rãnh đường nước, trồng dưa hấu trên giàn... ít có người biết đến “sản phẩm” sáng tạo của ông. Tuy nhiên, chiếc máy xới “không

bánh” và tính năng “3 trong 1” này, chắc khó ai lấy được nghề. Thấy trước mắt, nhưng không hẳn làm theo được, bởi đây là “bừa bới” để nuôi sống ông lúc tuổi xế chiều.

Nói đến chuyện kỹ thuật, ông tư Xự rất hào hứng: “Bà con mình quên mất câu nói “nắng tử thưa – mưa tử dày (rơm rạ)”, rồi ít chịu bón phân

cân đối nên dễ thất bại. Chi phí đội lên cao, gặp lúc giá bán xuống thấp bị lỗ ngay. Còn việc ứng dụng máy móc cũng là một cách để giảm giá thành sản xuất”. Với kinh nghiệm của mình, 4.500m² đất trồng rau màu, ông tư Xự dám cầm chắc trong tay 80 triệu đồng/công/năm.

Nguồn: baoangiang.com.vn

Một nông dân chế tạo thành công máy ấp trứng gà

Do giá bán các máy ấp trứng trên thị trường quá cao, ông Nguyễn Tấn Lộc (ấp Láng Dài, xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ - Bà Rịa - Vũng Tàu) đã tự thiết kế thành công chiếc máy ấp trứng gà, mỗi tuần cho ra lò hơn 300 con gà giống cung cấp cho thị trường.

Ông Nguyễn Tấn Lộc cho biết, việc nuôi gà của ông trước kia hoàn toàn tự phát, chủ yếu con giống được lấy từ gà mẹ ấp tự nhiên. Khi khách hàng đến đặt mua gà giống ngày một tăng, để đáp ứng nhu cầu ông buộc phải tính tới kiểu ấp trứng bằng máy. “Do giá máy ấp trứng trên thị trường đến gần 8 triệu đồng, gia đình tui không đủ tiền mua. Chính vì vậy tui

liên mày mò tự chế máy ấp”, ông Lộc cho biết.

Ông Lộc lặn lội đến nhiều nơi để xem thiết kế của các máy ấp trứng, sau nhờ một người bạn cho phép “giải phẫu” một chiếc máy cũ để tìm hiểu nguyên lý hoạt động. Chiếc máy đầu tiên “made Nguyễn Tấn Lộc” không đạt về thông số độ ẩm và tốc độ luân chuyển không khí. Bài học phí đầu tiên là phải xử lý những mẻ trứng gà lộn không như mong muốn (trứng không nở thành gà con được).

Được một người bạn tư vấn về chỉ số nhiệt độ, độ ẩm từ các tài liệu kỹ thuật, ông Lộc đã vỡ lẽ ra được nhiều điều. Khi đã xác định được các chỉ số quan trọng trong quá trình ấp, ông

Lộc lấy đó làm cơ sở để tính toán mối tương quan giữa quạt gió và lấy độ ẩm, nhiệt độ trong từng thời điểm áp... và cuối cùng tính toán thiết kế được tỉ lệ buồng áp công suất quạt gió, điện trở, vị trí bể nước. Kết quả là máy hoạt động ấp nở gà con đạt tỉ lệ đến 85% (tính trên số trứng có trống).

Đến nay, gia đình ông đã tự làm được 2 máy ấp hoạt động tốt (gồm 1 máy ấp 800 trứng và 1 máy ấp 300 gà nở). Nhờ sáng chế của mình, mỗi tuần ông Lộc đã có thể cung ứng đến 300 con gà giống ra thị trường với doanh thu hơn 3 triệu đồng. Ngoài ra do giá thành rẻ lại tiện dụng, nhiều bà con nông dân đặt mua máy của ông. “Tui không có ý định kinh doanh máy ấp, nhưng bà con có nhu cầu thì mình làm. Kế hoạch sắp tới tui sẽ

đóng máy 1.000 trứng hoàn toàn tự động về nhiệt độ, độ ẩm và chế độ đảo trứng”, ông Lộc cho biết thêm.

Được biết các máy ấp hiện nay của ông Lộc đều hoàn toàn tự động điều chỉnh nhiệt độ theo mong muốn. Theo ông Lộc, ưu điểm của máy ấp gà là có khả năng tạo ra số lượng lớn gà giống trong cùng thời điểm, tức là tạo ra tính thương mại cho đàn gà cao hơn. Trong khi đó chi phí cho máy ấp cũng không lớn, nếu tính ra tiền điện mỗi tháng chỉ khoảng hơn 50 ngàn đồng cho máy ấp 500 trứng. Ngoài ra do giá thành máy ấp tự đóng chỉ bằng 1/3 giá thị trường nên tính ra cả



tiền khấu hao máy và tiền điện chỉ khoảng hơn 100 ngàn đồng/tháng.

Tuy nhiên, qua kinh nghiệm sử dụng máy ấp gà, ông Lộc cho rằng, máy ấp gà không thể quyết định hiệu quả toàn bộ quy trình sản xuất gà giống, mà điều quan trọng nhất là chất lượng trứng trước khi ấp. Để làm được việc này trước tiên cần có đàn gà bố mẹ khỏe mạnh, chế độ dinh dưỡng tốt,

sau đó là chế độ bảo quản trứng hợp lý. Cần phải bố trí ổ đẻ không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi nước mưa và ánh nắng, phải thu trứng ngay sau khi gà đẻ xong và bảo quản trong các khay đựng trứng chuyên dụng. Tốt nhất là 5 ngày sau khi gà đẻ cho trứng vào máy ấp, trong trường hợp không đủ trứng ấp cũng không nên để trứng bên ngoài quá 7 ngày.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG KH&CN

Thành lập Khu ứng dụng Công nghệ Sinh học ở Cái Mơn

Thời gian qua, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế, đời sống người dân; trong đó, chú trọng phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, xác định nông nghiệp là mũi nhọn để tập trung nguồn lực thu hút đầu tư.

Để tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, đẩy mạnh hoạt động ứng dụng KH&CN, UBND tỉnh có chủ trương lập Dự án xây dựng Khu ứng dụng Công nghệ Sinh học Cái Mơn (Chợ Lách), với qui mô 3ha. Đây là địa điểm đã được triển khai dở dang một số hạng mục theo Quy hoạch Khu nông nghiệp



Kỹ thuật cao Cái Mơn, do UBND huyện Chợ Lách làm chủ đầu tư. Điều kiện giao thông thủy, bộ, hiện trạng địa lý, thổ nhưỡng rất thuận lợi cho việc triển khai Khu ứng dụng Công nghệ Sinh học phát triển nông nghiệp bền vững gắn với khai thác dịch vụ du lịch. Dự án có tổng vốn đầu tư là 24,97 tỷ đồng. Trong đó, vốn Bộ KH&CN hỗ trợ 20 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 4,97 tỷ

đồng. Dự án tập trung thực hiện mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao KHCN phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện theo hướng hiệu quả bền vững, đảm bảo có đủ các điều kiện triển khai các nội dung sản xuất thực nghiệm kỹ thuật cao. Tiếp cận, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KHCN mới, làm chủ một số công nghệ hiện đại, góp phần thúc đẩy nhanh sự nghiên cứu KHCN trong tỉnh. Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN, chuẩn bị tốt nguồn lực giúp Trung tâm có đủ điều kiện thực hiện lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động theo tinh thần Nghị định 115 của Chính phủ về việc tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên. Trong giai đoạn 2013-2015, sẽ phân kỳ đầu tư xây dựng các hạng mục công trình đã được phê duyệt

trong Dự án, với tổng diện tích xây dựng là 2.824m² như: xây dựng mới nhà bảo quản và chế biến nông sản; trung tâm thí nghiệm, hội trường đào tạo và chuyển giao công nghệ; nhà màng; nhà công vụ, trạm cấp nước, trạm xử lý nước thải, hệ thống điện... Cải tạo, nâng cấp văn phòng điều hành; nhà trưng bày sản phẩm, mộ bia Trương Vĩnh Ký.

Theo bà Nguyễn Thị Lê Thủy - Giám đốc Sở KHCN Bến Tre, Dự án sẽ ưu tiên xây dựng trước những hạng mục phục vụ trực tiếp cho công tác triển khai các hoạt động chuyên môn, để tập trung thực hiện 4 nhiệm vụ cơ bản: đề xuất thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm phát triển và ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, phục vụ phát triển nông nghiệp theo

hương bền vững. Nghiên cứu và chuyển giao các kết quả ứng dụng công nghệ sinh học để giải quyết những vấn đề mới, khó khăn và phục vụ cho phát triển kinh tế địa phương. Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo về ứng dụng công nghệ sinh học, mở các lớp đào tạo tập huấn cho nhà vườn về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây

trồng mới, các loại nấm, ứng dụng các chế phẩm sinh học. Thực hiện các dịch vụ tư vấn, thi công xử lý nước thải, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cung cấp giống cây có chất lượng cao, sạch bệnh (hoa kiểng, cây ăn quả, phiôi nấm các loại); kiểm tra chất lượng cây giống, con giống.

Nguồn: baodongkhoi.com.vn

Tập huấn “Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008 và mô hình khung trong hành chính sự nghiệp”

Trong hai ngày 27 và 28 tháng 5 năm 2013, Sở Khoa học và Công nghệ Bến Tre đã phối hợp cùng Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 tổ chức lớp tập huấn “Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) TCVN ISO 9001:2008 và mô hình khung trong hành chính nhà nước”. Đến dự lớp tập huấn có 68 học viên là lãnh đạo, cán bộ mới tiếp cận hệ thống quản lý chất lượng của VP UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các sở, ban ngành của tỉnh. Tại buổi tập huấn các học viên đã được nghe báo cáo viên giới thiệu về hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008, các văn



bản pháp luật có liên quan và hướng dẫn áp dụng mô hình khung HTQLCL.

Lớp tập huấn đã nâng cao nhận thức về vai trò và trách nhiệm của các cán bộ trong quá trình triển khai áp dụng tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước nhằm đảm bảo minh bạch, công khai, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và nâng cao sự thỏa mãn cho các tổ

chức, cá nhân. Bên cạnh đó, báo cáo viên cũng đã giải đáp những khó khăn, vướng mắc cho các học viên trong quá trình xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn ISO tại cơ quan.

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng sẽ tiếp tục mở các lớp tập huấn nâng cao nhận thức HTQLCL, đánh giá nội bộ.

Đồng thời tổ chức thực hiện việc kiểm tra hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO tại các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh theo Kế hoạch 3584/KH-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã được phê duyệt.

Nguồn: dost-bentre.gov.vn

Tiềm năng và hướng sử dụng chế phẩm sinh học phát triển nền nông nghiệp hữu cơ

Bến Tre là tỉnh thuần nông, ngoài việc trồng lúa và nuôi trồng thủy sản thì chăn nuôi gia súc, gia cầm, kinh tế vườn dừa, cây ăn quả cũng góp phần lớn vào sự ổn định và phát triển kinh tế của tỉnh nhà.

Cùng với 58.441ha diện tích dừa, Bến Tre có khoảng 32.000ha diện tích cây ăn trái, 10.687ha cacao và 4.466ha mía (nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre) đang phát triển khá tốt và có chiều hướng tăng. Hàng năm, lượng phế thải trong chăn nuôi gia súc, gia cầm và phế phẩm thải ra trong sản xuất nông nghiệp của các loại cây trồng nêu trên tại tỉnh là khá lớn. Lượng phế thải này phần lớn là những hợp chất hữu cơ giàu



carbon, sản phẩm sau quá trình phân hủy của chúng có thể được sử dụng như phân hữu cơ, có khả năng thay thế phân chuồng, có tác dụng làm cho đất tơi xốp, cải thiện các đặc tính của đất nhất là khả năng giữ nước.

Hiện nay, sự phát triển nền nông nghiệp của tỉnh đang đi vào mức độ thâm canh, xen canh cao với việc sử dụng ngày càng nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật hóa học. Sự canh tác trên đã làm cho đất

đai ngày càng chai cứng, thoái hóa, dinh dưỡng bị mất cân đối, mất cân bằng hệ sinh thái trong đất; hệ vi sinh vật trong đất bị xáo trộn, tồn dư các chất độc hại trong đất ngày càng cao, nguồn bệnh tích lũy trong đất càng nhiều dẫn đến có thể phát sinh các loại dịch hại nghiêm trọng, khó dự báo trước. Chính vì vậy, việc tăng cường phát triển nền nông nghiệp hữu cơ, bền vững và bảo vệ môi trường với việc tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học trong phòng trừ sâu bệnh, sử dụng phân bón hữu cơ trong canh tác cây trồng đang là xu hướng chung của Bến Tre nói riêng và cả nước nói chung.

Năm 2010, dưới sự chuyển giao công nghệ từ Trung tâm Nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh (nay là Trung tâm Nghiên cứu đất, phân bón và môi trường phía Nam), Trung

tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bến Tre (Trung tâm) đã sản xuất thành công đất sạch dinh dưỡng và 3 loại phân hữu cơ từ mụn dừa là: phân hữu cơ khoáng (HCK), phân hữu cơ sinh học cao cấp (HCSHCC), phân hữu cơ vi sinh (HCVS). Các loại phân kể trên đều đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt như: cung cấp cân đối và đầy đủ các nguyên tố dinh dưỡng cho cây trồng, giúp cây phát triển tốt; bổ sung một số chủng vi sinh vật hữu ích cho đất; kích thích ra rễ, bộ rễ phát triển mạnh giúp cây hấp thu tốt nguồn dinh dưỡng, tăng cường chống chịu khô hạn, tăng sức đề kháng với các loại sâu bệnh; cải tạo đất toi xốp, tăng khả năng giữ ẩm cho cây, tăng cường độ phì nhiêu, màu mỡ cho đất; tăng năng suất và chất lượng nông sản.

Qua khảo nghiệm trên một số cây trồng như: thanh long,

bắp, lúa, bưởi, cacao do Trung tâm phối hợp với Hội nông dân các huyện ở 4 tỉnh, thành phố: Bến Tre, Vĩnh Long, Long An, TP. Hồ Chí Minh, bước đầu đã cho thấy việc bón bổ sung các loại phân bón HCVS, HCK và HCSHCC với liều lượng thích hợp cho năng suất cao hơn so với đối chứng từ 10,82 - 15,01%. Hiện nay, sản phẩm đã được một số đại lý phân bón trong và ngoài tỉnh, nông dân đặt hàng để phân phối và sử dụng. Sự thành công này ngoài góp phần xử lý ô nhiễm môi trường, còn đem lại công ăn việc làm cho nông dân, đồng thời tạo ra sản phẩm mới phục vụ sản xuất nông nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân trồng dưa trên cùng một đơn vị diện tích và góp phần vào việc đa dạng hóa các sản phẩm từ cây dưa.

Tuy nhiên, điều này cũng chưa giải quyết triệt để việc xử

lý các phế phẩm nông nghiệp theo hướng có sinh lợi. Do đó, trong thời gian tới, Trung tâm dự kiến sẽ ứng dụng những tiến bộ gần đây của khoa học công nghệ tạo ra một số chế phẩm sinh học đáp ứng yêu cầu vừa góp phần xử lý phế phẩm nông nghiệp, vừa tạo ra sản phẩm mới phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững như:

- Chế phẩm Compost maker: là kết quả nghiên cứu thuộc đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước “Nghiên cứu công nghệ sản xuất phân bón vi sinh vật chức năng phục vụ chăm sóc cây trồng cho một số vùng sinh thái” nằm trong chương trình nghiên cứu phát triển công nghệ sinh học do Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam chủ trì (nay là Viện Thổ nhưỡng nông hóa) và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ khoa học

kỹ thuật. Chế phẩm Compost maker được ứng dụng xử lý nhiều loại cơ chất hữu cơ như: than bùn, phân gia súc, gia cầm, phế phẩm nông nghiệp (rơm, rạ, thân lá cây, vỏ cà phê, vỏ cacao...) làm phân bón hữu cơ sinh học.

- Chế phẩm vi sinh vật chức năng, phân hữu cơ vi sinh vật chức năng cũng là kết quả nghiên cứu của đề tài trên. Trong các chế phẩm này có chứa một số loài vi sinh vật có ích, như: vi sinh vật cố định nitơ, vi sinh vật phân giải lân, vi sinh vật đối kháng vi khuẩn gây bệnh vùng rễ thực vật. Bằng những tác nhân sinh học, các chế phẩm tạo ảnh hưởng tích cực đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng, góp phần cung cấp dinh dưỡng, hạn chế bệnh vùng rễ; giúp hạn chế sử dụng các sản phẩm phân bón hóa học, giảm chi phí sản xuất, đồng thời

nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và tăng năng suất cây trồng.

- Trong những năm gần đây, cùng với xu hướng phát triển một nền nông nghiệp sạch và bền vững, các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ hoặc có nguồn gốc sinh học được đề cao, tập trung nghiên cứu và phát triển. Trichoderma là loại nấm đối kháng có tác dụng cao trong việc thúc đẩy quá trình phân hủy chất hữu cơ và có nhiều tác dụng khác, được dùng cho các loại cây trồng. Cũng với sự chuyển giao công nghệ của Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Trung tâm sẽ tạo ra sản phẩm nấm Trichoderma được phân lập từ giống địa phương. Điều này bảo đảm cho sự thích nghi của chế phẩm khi được sử dụng rộng rãi tại tỉnh Bến Tre. Chế phẩm có thể sử dụng kết hợp với một số chế

phẩm vi sinh khác để phân hủy phân hầm cầu, và xử lý đáy ao hồ nuôi tôm cá; khử mùi hôi ở bãi phân, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường; phối trộn để sản xuất phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học, tăng cường khả năng chống nấm bệnh gây hại hệ thống rễ cây trồng và cải tạo đất.

Việc xử lý và tận dụng nguồn phế thải giàu hợp chất cacbon bằng giải pháp sinh học với mục đích phục vụ cho sản xuất nông nghiệp là một hướng đi đúng đắn và đã thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học. Xây dựng dây chuyền công nghệ nhằm tạo ra các chế phẩm sinh học hiệu quả và an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, giảm giá thành sản xuất; đồng thời, nâng cao nhận thức, trình độ kỹ thuật cho người dân là rất cần thiết, góp phần ổn

định nguồn nguyên liệu cho các nhà máy, tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và qua đó nâng cao đời sống cho vùng nông thôn Bến Tre là phù hợp với chủ trương chung về xây dựng nông thôn mới hiện nay.

Bến Tre xác định kinh tế vườn là một trong những ngành phát triển chủ lực của tỉnh nhà. Một số mô hình kinh tế đạt hiệu quả như: cây cacao xen vườn dừa, các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP trên cây ăn trái... Tuy nhiên, các vấn đề cần được quan tâm trên cây ăn quả như chất lượng không đồng đều, các mô hình an toàn sinh học chưa được nhân rộng, khả năng cạnh tranh trên thị trường ngoài nước chưa cao. Vì thế, có những chế phẩm sinh học đạt chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên và ổn định sẽ góp phần hỗ trợ người nông dân yên tâm

trong sản xuất nông nghiệp, hướng người nông dân đến một

nền sản xuất nông nghiệp xanh, sạch và bền vững hơn.

Nguồn: baodongkhoi.com.vn

Phát triển VietGAP vùng ĐBSCL

Tại Cần Thơ, Bộ NN-PTNT phối hợp với Hội Nghề cá Việt Nam, Cty Aquafish vừa tổ chức hội thảo giới thiệu định hướng phát triển và các bước đánh giá chứng nhận VietGAP thủy sản, trồng trọt và chăn nuôi.

Hiện đa phần nông dân ĐBSCL vẫn SX theo tập quán cũ và khó khăn khi áp dụng phương pháp SX mới, do điều kiện cơ sở hạ tầng chưa đạt yêu cầu, không đủ nhân lực, thiếu vốn đầu tư, kinh nghiệm.

Thời gian tới Bộ NN-PTNT sẽ thúc đẩy áp dụng VietGAP trước mắt cho các đối tượng XK chủ lực và có sản lượng lớn. Xây dựng mô hình áp dụng theo vùng nuôi để tạo

chuỗi kết nối với thị trường và bắt buộc áp dụng đối với cơ sở nuôi cá tra từ năm 2015. Riêng trong năm 2013, sẽ rà soát, sửa đổi Bộ tiêu chuẩn VietGAP, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ, tổ chức xây dựng các mô hình VietGAP thí điểm.

Ông Bùi Đức Quý, Phó Vụ trưởng Vụ Nuôi trồng thủy sản cho biết: Nhu cầu của thị trường ngày càng cao, đòi hỏi khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm. Vì vậy, việc nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP là một yêu cầu tất yếu, giảm thiểu dịch



bệnh và ô nhiễm môi trường, đảm bảo trách nhiệm xã hội và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Theo các đại biểu, áp dụng VietGAP người dân sẽ gặp nhiều thuận lợi, quản lý theo hệ thống khoa học, tránh rủi ro, tiết kiệm chi phí và tăng năng suất.

Thương hiệu sản phẩm sẽ được nâng cao, có chương trình hỗ trợ của Chính phủ (nhân lực, tài chính, các dự án) và được quảng bá qua nhiều kênh thông tin. Theo đó, giá bán cũng được nâng cao, đầu ra ổn định và thu nhập ngày càng cao

Nguồn: nongnghiep.vn

Cần trọng khi dùng dứa quả tươi

Tùy theo từng địa phương mà gọi là dứa hay trái thom, khóm... tên khoa học là *Annanascomosus* (L) merr (*anas sativus schult F*), được trồng khắp nơi ở các nước vùng nhiệt đới, là cây bản địa của Paraguay và miền Nam Brazil. Ở nước ta dứa được trồng nhiều ở mọi vùng trong nước, phân bố từ Phú Thọ đến Kiên Giang. Tiền Giang là tỉnh có sản lượng dứa đứng đầu cả nước.

Quả dứa thực ra là trục của bông hoa và các lá bắc mọc nước tụ hợp lại. Còn quả thật là các "mắt dứa". Quả dứa có nhiều nước, vị ngọt pha chua rất ngon, mùi thơm đặc biệt, là một trong các thứ hoa quả tươi được nhiều người ưa chuộng. Đông y phân loại dứa thuộc vị

ngọt chất, tính bình, có tác dụng giải khát nóng, lợi tiêu hóa, ngừng tả. Men dứa giúp dạ dày phân giải protein, làm thức ăn dễ tiêu. Sau khi ăn nhiều thịt, mỡ, ăn dứa rất có lợi. Ngoài ra, chất đường, muối và men trong dứa còn có tác dụng lợi tiểu, chữa viêm thận, cao huyết áp, phù thũng. Đối với bệnh viêm phế quản, ho, nó cũng có tác dụng điều trị hỗ trợ.

Đã có công trình nghiên cứu cho thấy enzyme có trong dứa có khả năng chữa bệnh tim do có thể làm tan máu tụ dẫn đến cơn đau tim. Có báo cáo trong 140 bệnh nhân mắc bệnh tim được điều trị bằng phương pháp này thì chỉ có 2% số người bị tử vong do lên cơn đau tim so với trước đó không

dùng phương pháp này thì có tới 20% tử vong. Trong sách ở Việt Nam có hướng dẫn người bị cao huyết áp nên ăn dứa hàng ngày để lợi tiểu.

Mỗi ngày uống một cốc nước ép thơm hoặc ăn 1/2 quả thơm chín có thể thay thế được các loại thuốc chống đông (coumarin, warfarin...) vốn là những chất thường gây nhiều tác dụng phụ chảy máu (do đó tránh dùng dứa cho những người có các bệnh xuất huyết).

Trong các kết quả nghiên cứu khác cũng cho thấy: Toàn bộ trái dứa chứa bromelin hay bromelain. Các nghiên cứu vào các năm 1960 - 1970, đã xác định bromelin của trái dứa có đặc tính kháng phù và kháng viêm. Từ đó, vài công ty dược đã đưa ra các thực phẩm bổ sung có chứa chất chiết từ dứa để giải quyết viêm mô tế bào, để làm tan các cục mỡ nổi

cộm. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào xác định dứa có khả năng làm tan các khối mỡ không đẹp này.

Dứa làm liền sẹo, một số enzym của quả dứa làm mau lành các vết thương ở da hay các vết phỏng như chuột bị phỏng, khi dùng chất chiết xuất từ dứa giúp tiến trình làm sạch một vết thương sau 4 giờ, lấy đi các vật lạ và mô chết để không còn trở ngại nào cho vết thương lành lại. Bromelin còn làm giảm hiện tượng phù nề, các vết bầm tím trên da và giảm đau nhức.

Phụ nữ lập gia đình muộn hoặc sau khi sinh con thứ hai, ba, có vấn đề bất thường về kinh nguyệt nên dùng dứa làm nước giải khát, dứa giàu magiê, giúp giảm lượng máu xuất huyết nhiều, hạn chế mất máu, tụt huyết áp.

Mới mổ hoặc sung a-mi-

đan, ca sĩ giảm cường độ âm thanh nên ăn dứa chín hoặc uống nước ngày 2 lần (tối, sáng sớm) sẽ nhanh chóng lấy lại giọng.

Dứa tươi có tính kháng khuẩn, kháng virus cảm cúm, bôi trơn nhu động thành ruột, thanh lọc cholesterol nên giúp bài tiết các độc tố, chất thải thực phẩm ra khỏi đại tràng, chống viêm ruột cùng...

Tuy nhiên, cần lưu ý khi bụng đói không nên ăn dứa hoặc uống nước dứa ép vì các acid hữu cơ của dứa và bromelin tác động mạnh vào niêm mạc dạ dày, ruột, dễ gây nôn nao, khó chịu. Phụ nữ đang mang thai, cho con bú không ăn dứa tươi quá liều lượng (2 khoanh 30g) hoặc dứa chín rục (20g). Chất pepin chứa trong nước dứa là con dao hai lưỡi. Nếu điều trị được bệnh viêm họng, tái tạo mô

thanh quản thì làm hạ thấp lượng estrogen làm tắc sữa, giảm magnesium làm cho thai nhi yếu.

Song dứa có tác dụng phân hủy fibrin chống tụ huyết nên có tài liệu khuyên những người có bệnh chảy máu hoặc có nguy cơ chảy máu (người hay chảy máu cam, sốt xuất huyết, vết thương lớn, phụ nữ băng huyết...) không nên ăn dứa.

Trong thực tế, có người ăn dứa đã gặp tai biến, thậm chí tử vong, đó là ngộ độc dứa. Tức sau khi ăn dứa 30 - 60 phút, thấy khó chịu, mệt mỏi, ngứa khắp người, gãi xước da chảy máu vẫn ngứa, nổi mày đay. Về tiêu hóa, có những triệu chứng của ngộ độc thức ăn: Đau bụng dữ dội, nôn mửa, ỉa chảy. Về hô hấp, tuần hoàn, có thể có mạch nhanh nhỏ, khó thở, huyết áp hạ.

Nếu ngộ độc nhẹ, khoảng 3

giờ sau, nạn nhân sẽ khỏi. Nếu nặng, nạn nhân khó thở, truy tìm mạch, mê man và tử vong. Vì thế, trong nhân dân, người ta còn cho là nạn nhân ăn phải dứa có nọc rắn phun. Thực ra, thủ phạm là một loại vi nấm có độc tính cao. Vi nấm thường có trên mặt đất ẩm, phát triển mạnh trong mùa hè, trùng với mùa dứa chín. Dứa mọc ở sát đất, thu hái xong cũng để dưới đất, vỏ dứa xù xì, mắt dứa làm thành những cái hốc là nơi cư trú tốt cho nấm. Mặt khác, dịch bào của dứa có độ ẩm, có hàm lượng đường cao và pH acid, là những điều kiện thuận lợi cho nấm độc phát triển. Nếu dứa bị dập nát, dịch bào thấm ra, nấm sẽ phát triển, có điều kiện xâm nhập sâu vào trong quả dứa, gây độc cho người ăn.

Để phòng ngừa tai biến trên, cần chọn dứa tươi và nguyên lành. Không ăn dứa

dập nát, gọt dứa phải hết lớp vỏ, cắt sâu cho hết mắt, sau đó xát qua ít muối rồi rửa sạch mới bỏ ra ăn. Và không ăn nhiều dứa khi đang đói. Bà bầu có thể bị dị ứng dứa, đây là phản ứng của cơ thể với protein có trong dứa. Những biểu hiện của dị ứng dứa là: Bạn bị đau bụng, tiêu chảy, có thể xuất hiện ngứa toàn thân; bạn cũng có thể cảm thấy tê lưỡi, khó thở..., vì vậy để tránh dị ứng dứa, sau khi gọt vỏ, nên cắt dứa thành từng miếng, ngâm nước muối nhạt 10 – 30 phút. Làm như vậy không chỉ tránh được hiện tượng rát lưỡi khi ăn dứa, mà còn giúp thấy dứa có vị thơm, ngon hơn. Nếu có cơ địa dị ứng, tốt nhất, nên sử dụng dứa đã qua chế biến (xào, nấu canh). Dưới tác dụng của nhiệt, khả năng gây dị ứng của dứa sẽ không còn.

Nguồn: nongnghiep.vn